

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30-6-2023

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trần Minh Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sĩ.

2. Bà Nguyễn Thị Ánh Gương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1993. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1991. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 16/5/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Về hôn nhân: Chị Q và anh Nguyễn Văn Đ tự tìm hiểu và kết hôn năm 2012, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (theo giấy chứng nhận kết hôn số: 56 ngày 04/6/2012), thời gian đầu sống rất hạnh phúc. Từ năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn anh Đ nhiều lần đánh đập bạo lực gia đình

với chị Q, đời sống hôn nhân không đạt được. Chị Q và anh Đ đã ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân chị Q và anh Đ không có hàn gắn lại với nhau. Nay chị Q yêu cầu tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về nuôi con: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;
Về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo văn bản ý kiến ngày 16/5/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh Đ với chị Nguyễn Thị Q tìm hiểu và kết hôn với nhau năm 2012, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (theo giấy chứng nhận kết hôn số: 56 ngày 04/6/2012). Về sau trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, anh Đ có đánh chị Q vài lần khi đi nhậu về. Anh Đ và chị Q đã ly thân với nhau từ tháng 02/2022 đến nay. Trong thời gian ly thân anh Đ và chị Q không có hàn gắn lại với nhau. Nay chị Q yêu cầu ly hôn anh Đ không đồng ý theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị Q do còn thương vợ.

Về nuôi con: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;
Về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Q yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp về việc “Ly hôn”. Đây là vụ án hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ hiện cư trú tại địa chỉ ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đúng theo quy định, nhưng vẫn vắng mặt lần hai không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Q và anh Đ là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2, Điều 227 và khoản 1 và 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Q và anh Đ là hoàn toàn tự nguyện và anh, chị có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, trong quá trình chung sống anh, chị sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn anh Đ nhiều lần đánh đập bạo lực gia đình với chị Q, từ đó chị Q và anh Đ đã ly thân với nhau từ tháng 02/2022 cho đến nay, từ khi ly thân đến nay anh, chị không gặp nhau để tìm ra phương cách hàn gắn tình cảm lại với nhau dẫn đến chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tuy nhiên, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để động viên cho anh, chị hàn gắn lại với nhau nhưng chị Q vẫn cương quyết ly hôn. Xét thấy, đời sống chung của chị Q và anh Đ không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q đối với anh Đ là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con: Chị Q và anh Đ trình bày trong thời gian chung sống chị Q và anh Đ không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về chia tài sản: Tài sản chung và nợ: Chị Q và anh Đ trình bày: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2, Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Q đối với anh Nguyễn Văn Đ (theo giấy chứng nhận kết hôn số: 56, ngày 04 tháng 6 năm 2012, của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp).

2. Về án phí sơ thẩm:

2.1. Chị Nguyễn Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0001916 ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp, chị Nguyễn Thị Q đã nộp đủ.

2.2. Anh Nguyễn Văn Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, người yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã P, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Trần Minh Châu